

Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

theo U.S.A Federal Hazcom 2012 và Canadian HPR – WHMIS 2015

PHẦN 1. Nhận biết chất/hỗn hợp & thông tin về công ty/nhà máy

1.1. Nhận biết sản phẩm:

Mã sản phẩm HI93703-50
Tên sản phẩm Dung dịch rửa cuvette

1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định:

Mục đích sử dụng **Dung dịch rửa cuvette dùng cho máy đo quang, đo độ đục.**

1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

Tên công ty **Hanna Instruments S.R.L.**
Địa chỉ **Str. Hanna Nr. 1**
Quận và Thành phố **457260 Ioc. Nusfalau (Salaj) Rumani**
Điện thoại **(+40) 260607700**
Fax **(+40) 260607700**

Địa chỉ e-mail của người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất
msds@hanna.ro

Phân phối sản phẩm bởi : **HANNA INSTRUMENTS, INC - 584 Park East Drive, Woonsocket, Rhode Island, USA 02895 – Technical Service Contact Information: +1800 426-6287 Email: sds@hannainst.com**

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Đối với các trường hợp khẩn cấp, tham khảo

Số điện thoại khẩn cấp – Quốc tế: +(1)-703-527-3887 – Anh Quốc, Luân Đôn: +(44)-870-8200418 – CHEMTREC 24 giờ/365 ngày

PHẦN 2. Nhận biết các mối nguy hại

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Sản phẩm này được phân loại thành chất nguy hại căn cứ theo các quy định được đưa ra theo tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication(HCS) (29 CFR 1910.1200).

Các thông tin ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường sẽ được nêu rõ trong phần 11 và 12.

Phân loại và Dấu hiệu nhận biết nguy hại:

Chất dễ cháy, loại 3

Tồn thương mắt nghiêm trọng, loại 2

Dễ bay hơi và bốc cháy

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

2.2. Thành phần nhãn dán

Biểu tượng nguy hại:



Tự hiệu:

H226

Dễ bay hơi và bốc cháy

H319

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

Ký hiệu để phòng tránh:

Phòng tránh:

H210

Giữ cách xa nguồn nhiệt

H243

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống sự phóng tĩnh điện

H280

Mang găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ, bảo vệ mắt và bảo vệ mặt.

Xử lý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338

Nếu tiếp xúc với mắt: rửa với nước vài lần. Tháo kính áp tròng nếu có đeo và tiếp tục rửa mắt.

P337 + P313

Nếu mắt vẫn bị kích ứng: đến bệnh viện hoặc trạm xá ngay lập tức.

P370+P378

Trong trường hợp cháy: sử dụng bột để dập tắt

Bảo quản

--

Sắp xếp

--

2.3. Các nguy hại khác:

Không có thông tin.

PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần**3.1. Hỗn hợp:****Nhận biết****X = Nồng độ %****Phân loại:****ETHANOL**

CAS. 64-17-5

EC. 200-578-6

INDEX. 602-002-00-5

25 ≤ X < 30

Chất lỏng dễ cháy, hạng 2 H225, Kích ứng mắt, hạng 2 H319

* Thuốc thử được sản xuất theo từng lô

Nội dung đầy đủ của từng mã (H) nguy hại được trình bày trong phần 16 của tài liệu này.

PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu**4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu****MẮT:** Tháo kính áp tròng nếu có đeo. Ngay lập tức rửa với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, nâng mí mắt mở hoàn toàn. Nếu triệu chứng kéo dài, tìm kiếm sự tư vấn y tế.**DA:** Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Ngay lập tức rửa với nhiều nước. Nếu kích ứng kéo dài, tìm sự tư vấn/chăm sóc y tế. Giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.**HÍT PHẢI:** Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí. Trường hợp nạn nhân khó thở, tìm kiếm sự tư vấn/chăm sóc y tế ngay lập tức.**NUỐT PHẢI:** Tìm kiếm sự tư vấn/chăm sóc y tế. Ép nôn chỉ khi được sự chỉ dẫn từ bác sĩ. Không được đưa bất kỳ thứ gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh trừ khi được bác sĩ chỉ dẫn.**4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, ngay lập tức và trì hoãn:**

Thông tin cụ thể về các triệu chứng và tác dụng gây ra bởi sản phẩm chưa được biết.

ETHANOL

Tác dụng kích thích, tê liệt hô hấp, chóng mặt, mê man, say, hưng phấn, buồn nôn, nôn mửa..

4.3. Dấu hiệu cần nhận chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt:

Không có thông tin

PHẦN 5. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy**5.1. Phương tiện chữa cháy****PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY THÔNG DỤNG**

Phương tiện chữa cháy phải là loại thông dụng: carbon dioxide, bột hóa học. Đối với sản phẩm bị mất hoặc rò rỉ mà không bắt lửa, có thể sử dụng bình xịt nước để phân tán hơi dễ cháy và ngăn chặn rò rỉ.

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG THÍCH HỢP

Không sử dụng vòi nước.

Nước không hiệu quả để dập tắt đám cháy nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa để ngăn chặn vụ nổ.

5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp:

CÁC NGUY HẠI DO TIẾP XÚC TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ CHÁY

Áp lực có thể hình thành trong các thùng chứa tiếp xúc với lửa gây nguy cơ nổ. Không hít phải các sản phẩm cháy.

ETHANOL

Dễ cháy. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan ra khắp các tầng. Tạo thành hỗn hợp nổ với không khí ở nhiệt độ cao. Trong trường hợp hòa hoãn có thể tạo ra khí nguy hiểm hoặc hơi. Hãy chú ý đến nguy cơ nổ.

5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa:**THÔNG TIN CHUNG**

Sử dụng vòi phun nước để làm mát thùng chứa, tránh hiện tượng phân hủy sản phẩm và phát triển các chất có thể gây nguy hại đến sức khỏe. Luôn đeo bộ thiết bị phòng chống hỏa hoạn đầy đủ. Thu gom nước chữa cháy để tránh chảy vào hệ thống cống rãnh. Xử lý nước chữa cháy đã sử dụng và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành.

THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA

Quần áo phòng cháy chữa cháy thông thường gồm bộ dụng cụ chống cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (Thông số kỹ thuật A29 và A30 của HO) kết hợp với thiết bị thở độc lập, mặt nạ, áp suất dương, khí nén (BS EN 137).

PHẦN 6. Xử lý hóa chất xả ra bất ngờ**6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Ngăn sự cố rò rỉ nếu không gặp nguy hại.

Đeo thiết bị bảo hộ thích hợp (bao gồm thiết bị bảo hộ cá nhân được tham chiếu theo Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn hóa chất) để tránh hóa chất tiếp xúc với da, mắt và quần áo lao động. Các dấu hiệu này áp dụng đối với nhân viên xử lý và các cá nhân liên quan trong các quy trình khẩn cấp.

6.2. Các biện pháp phòng ngừa môi trường:

Không được để sản phẩm thấm thấu đi vào hệ thống cống rãnh hoặc tiếp xúc với nguồn nước bề mặt hay nước ngầm.

6.3. Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh

Thu gom sản phẩm chảy tràn cho vào thùng chứa thích hợp. Nếu sản phẩm có thể bắt cháy, sử dụng thiết bị chống nổ. Đánh giá khả năng tương thích của thùng chứa được sử dụng bằng cách kiểm tra phần 10. Thấm hút sản phẩm dư bằng vật liệu thấm hút tro.

Đảm bảo khu vực xảy ra sự cố rò rỉ được thông gió tốt. Vật liệu nhiễm bẩn phải được tiêu hủy theo các điều khoản đưa ra tại điểm 13.

6.4. Tài liệu tham khảo cho các phần khác

Tất cả các thông tin về việc bảo hộ cá nhân và tiêu hủy đều được đưa ra trong phần 8 và 13.

PHẦN 7. Xử lý và bảo quản**7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn:**

Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa; không hút thuốc hoặc sử dụng diêm hoặc bật lửa. Nếu không có hệ thống thông gió đầy đủ, hơi có thể tích tụ ở mặt đất và nếu bị bắt lửa, bốc cháy ngay cả ở khoảng cách xa, với nguy cơ cháy ngược. Tránh tụ lại các điện tích tĩnh điện. Khi thực hiện các hoạt động vận chuyển liên quan đến các thùng chứa lớn, hãy kết nối với hệ thống tiếp đất và mang giày chống tĩnh điện. Khuấy mạnh hoặc dòng chảy qua các ống và thiết bị có thể gây ra sự hình thành và tích tụ các điện tích tĩnh điện. Để tránh nguy cơ cháy nổ, tuyệt đối không được sử dụng khí nén khi xử lý. Thận trọng khi mở các thùng chứa vì chúng có thể bị tăng áp suất. Tránh sản phẩm rò rỉ vào môi trường. Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi sử dụng.

7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm các vật liệu không tương thích:

Chỉ bảo quản trong thùng chứa ban đầu và đậy nắp kín, đặt ở nơi thoáng khí, tránh xa ánh sáng mặt trời trực tiếp. Giữ thùng chứa tránh xa nguồn nhiệt, lửa, tia lửa điện và các vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết thêm thông tin chi tiết.

7.3. Cách sử dụng cuối cùng

Không có thông tin

PHẦN 8. Hạn chế tiếp xúc và bảo vệ cá nhân
8.1 Các thông số kiểm soát

Các quy định tham khảo:

USA	NIOSH-REL	NIOSH publication No. 2005-149, 3th printing, 2007
USA	OSHA-PEL	Occupational Exposure Limits - Limits for Air Contaminants TABLE Z-1-1910.1000.
USA	CAL/OSHA-PEL	California Division of Occupational Safety and Health (Cal-OSHA) Permissible Exposure Limits (PELs).
	TLV-ACGIH	ACGIH 2019

ETHANOL
Giá trị ngưỡng thời gian.

Loại	Quốc Gia	TWA/8h		STEL/15min	
		mg/m ³	ppm	mg/m ³	ppm
TLV-ACGIH	-			1884	1000
OSHA	USA	1900	1000		
CAL/OSHA	USA	1.9	1		
NIOSH	USA	1900	1000		

Giải thích:

(C) = CAO NHẤT ; INHAL = Tỷ lệ phần có thể hít ; RESP = Tỷ lệ phần có thể hô hấp ; THORA = Tỷ lệ phần có thể đi vào lồng ngực

SULPHURIC ACID

Các phương pháp đo lường bầu không khí nơi làm việc phải tương ứng với các yêu cầu của Quy định OSHA ID-121.

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm:

Việc sử dụng các thiết bị kỹ thuật đầy đủ phải luôn được ưu tiên hơn các thiết bị bảo vệ cá nhân, hãy đảm bảo rằng nơi làm việc được thông gió tốt thông qua nguyên vọng địa phương hiệu quả. Thiết bị bảo vệ cá nhân phải tuân thủ các quy định hiện hành.

BẢO VỆ TAY

Nếu tiếp xúc lâu với thuốc thử, cần sử dụng găng tay (theo tiêu chuẩn OSHA 29 CFR 1910.138).

Vật liệu làm găng tay cần được lựa chọn dựa trên thực tế làm việc. Đôi khi găng tay cao su sẽ phản ứng với hóa chất trong quy trình.

BẢO VỆ DA

Mang giày và đồ bảo hộ dài tay loại I. Tắm rửa bằng xà bông và nước sau khi tháo đồ bảo hộ.

BẢO VỆ MẮT

Đeo kính bảo hộ (theo tiêu chuẩn OSHA 29 CFR 1910.133).

BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP

Nếu vượt quá giá trị ngưỡng (ví dụ TLV-TWA) đối với chất hoặc một trong các chất có trong sản phẩm, hãy đeo khẩu trang có bộ lọc được chứng nhận NIOSH, loại này phải được chọn theo giới hạn nồng độ sử dụng (NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134). Trong sự hiện diện của các loại khí hoặc hơi của các loại và / hoặc khí hoặc hơi có chứa các hạt (thuốc xịt aerosol, khói, sương mù, v.v.) được yêu cầu các bộ lọc kết hợp.

Các thiết bị bảo vệ hô hấp phải được sử dụng nếu các biện pháp kỹ thuật được áp dụng không phù hợp để hạn chế sự tiếp xúc của công nhân với các giá trị ngưỡng được xem xét. Việc bảo vệ được cung cấp bởi mặt nạ là trong mọi trường hợp hạn chế.

Nếu chất được coi là không mùi hoặc ngưỡng khứu giác của nó cao hơn TLV-TWA tương ứng và trong trường hợp khẩn cấp, hãy đeo thiết bị thở khí nén mạch hở hoặc thiết bị thở không khí bên ngoài. Để có lựa chọn chính xác cho thiết bị bảo vệ hô hấp, xem tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84 và OSHA 29 CFR 1910.134.

KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Những khí phát thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất, bao gồm những khí được tạo ra từ thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường.

PHẦN 9. Đặc tính lý hóa
9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản:

Ngoại quan

Dạng lỏng

HI93703-50 – Dung dịch vệ sinh cuvette

Màu sắc	Hồng
Mùi	Đặc trưng
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
pH	5.9
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bắt đầu	> 35°C
Dãi sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	28°C
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới	Không có thông tin
Giới hạn cháy trên	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi	Không có thông tin
Mật độ tương đối	0.94
Khả năng hòa tan	Tan trong nước
Hệ số khuếch tán: n-octanol/nước	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Đặc tính nổ	Không có thông tin
Đặc tính ô-xy hóa	Không có thông tin

9.2. Thông tin khác:

Tổng các chất rắn (250°C/482°F) 0.93%

PHẦN 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng**10.1. Khả năng phản ứng:**

Không có rủi ro đặc biệt về phản ứng với các chất khác trong điều kiện sử dụng bình thường.

ETHANOL

Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí.

10.2. Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm ổn định trong điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

10.3. Khả năng có phản ứng nguy hại:

Không có phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

ETHANOL

Nguy cơ nổ khi tiếp xúc với: kim loại kiềm, oxit kiềm, canxi hypochlorite, monofluoride lưu huỳnh, anhydrid axetic (với axit), hydro peroxide, perchlorate, axit perchloric, perchloronitril, axit nitric, nitric, bạc nitrat và amoniac, bạc oxit và amoniac, các tác nhân oxy hóa mạnh, nitơ dioxide. Có thể phản ứng nguy hiểm với: bromoacetylene, clo acetylene, bromine trifluoride, crom trioxide, chromyl clorua, oxiran, flo, kali tert-butoxide, lithium hydride, photpho trioxide, bạch kim đen, zirconium (IV) clorua Tạo thành một hỗn hợp nổ với không khí.

10.4. Điều kiện cần tránh

Tránh quá nhiệt. Tránh tích điện. Đồ đánh lửa

ETHANOL

Tránh đổ vào nguồn nhiệt hoặc đổ trực tiếp vào lửa.

10.5. Vật liệu không tương thích

ETHANOL

Cao su, các loại nhựa.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại

Trong trường hợp phân hủy nhiệt hoặc lửa, khí và hơi có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe có thể được giải phóng.

PHẦN 11. Thông tin về độc tính

Trong trường hợp không có dữ liệu thực nghiệm cho chính sản phẩm, các mối nguy về sức khỏe được đánh giá theo các thuộc tính của các chất có trong đó, sử dụng các tiêu chí được chỉ định trong quy định hiện hành để phân loại. Do đó, cần phải tính đến nồng độ của các chất độc hại được nêu trong phần 3, để đánh giá tác động độc tính của việc tiếp xúc với sản phẩm

11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tính

ETHANOL

Nhiễm độc miệng cấp tính: Triệu chứng: Buồn nôn, Nôn mửa - Nhiễm độc đường hô hấp cấp tính: Triệu chứng:

Thiệt hại có thể xảy ra: Hấp thụ kích thích niêm mạc - Kích ứng mắt Thỏ Kết quả: Kích ứng mắt. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Biến đổi tế bào mầm Độc tính gen trong ống nghiệm Thử nghiệm Ames Salmonella typhimurium

Kết quả: âm tính - Thử nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú trong ống nghiệm, Kết quả: âm tính

Cơ chế chuyển hóa, cơ chế gây độc, cơ chế hoạt động và các thông tin khác

Không có thông tin liên quan

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể xảy ra

Không có thông tin liên quan

Tác động chậm và tức thì cũng như tác động nhiễm sắc do tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

Không có thông tin liên quan

Tác động tương tác

Không có thông tin liên quan

ĐỘC CẤP TÍNH

ETHANOL

LD50 (Miệng)

>5000 mg/kg Rat

LC50 (Hít phải)

120 mg/l/4h Pimephales promelas

KÍCH ỨNG DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TỒN THƯƠNG MẮT NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

MÃN CẢM HỆ HÔ HẤP HOẶC DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘT BIẾN TẾ BÀO MẦM

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

Đánh giá khả năng gây ung thư:

64-17-5

ETHANOL

IARC:1

ĐỘC VỚI HỆ SINH SẢN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHỔI NHIỄM MỘT LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHỔI NHIỄM NHIỀU LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

PHẦN 12. Thông tin về sinh thái

Xử lý nó theo đúng quy trình. Tránh xả bừa bãi. Thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền, nếu sản phẩm tiếp cận với đường thủy hoặc làm ô nhiễm đất hoặc thảm thực vật.

12.1 Độc tính

ETHANOL

LC50-đối với cá

14200 mg/l/96h Pimephales promelas

EC50-đối với động vật thủy sinh

14221 mg/l/48h Daphnia magna

NOEC mãn tính đối với cá

9.6 mg/l Daphnia magna

12.2. Độ bền và khả năng phân hủy:

ETHANOL

Độ hòa tan trong nước.

1000-10000 mg/l

Khả năng phân hủy sinh học: Nhanh

12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học

ETHANOL

Hệ số phân tán n-octanol/nước.

-0.35

12.4. Khả năng di chuyển trong đất:

Không có thông tin

12.5. Các kết quả của đánh giá PBT và vPvB:

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ phần trăm PBT hoặc vPvB vượt quá 0.1%.

12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác

ETHANOL

Không có sự can thiệp với các nhà máy xử lý nước thải khi được sử dụng đúng cách. Tránh xả ra môi trường.

PHẦN 13. Cảnh nhắc khi tiêu hủy**13.1. Phương pháp tiêu hủy rác thải**

Sử dụng lại khi có thể. Phần cặn bã của sản phẩm phải được xem là rác thải đặc biệt không nguy hại.

Phải được tiêu hủy bởi một công ty quản lý rác thải được ủy quyền phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

BAO BÌ NHIỄM BẮN

Bao bì nhiễm bẩn phải được thu lại hoặc tiêu hủy theo các quy định quản lý rác thải quốc gia.

PHẦN 14. Thông tin về vận chuyển**14.1 Số UN**

ADR/RID, IMDG, IATA: 1170

14.2 Tên vận chuyển thích hợp theo UN

ADR / RID: ETHANOL (ETHYL ALCOHOL) or ETHANOL SOLUTION (ETHYL ALCOHOL SOLUTION)

IMDG: ETHANOL (ETHYL ALCOHOL) or ETHANOL SOLUTION (ETHYL ALCOHOL SOLUTION)

IATA: ETHANOL (ETHYL ALCOHOL) or ETHANOL SOLUTION (ETHYL ALCOHOL SOLUTION)

14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển

ADR / RID:

Class: 3

Label: 3



IMDG: Class: 3 Label: 3



IATA: Class: 3 Label: 3

**14.4. Nhóm bao bì**

ADR / RID, IMDG, IATA: II

14.5. Các nguy hại đến môi trườngADR / RID: NO
IMDG: NO
IATA: NO**14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đối với người dùng**

ARD / RID:	HIN – Kemler: 30	Giới hạn khối lượng: 5 L	Mã giới hạn đường ống: (D/E)
	Special Provision: -		
IMDG:	EMS: F-E, S-C	Giới hạn khối lượng: 5 L	
IATA:	Cargo:	Khối lượng tối đa: 220 L	Quy cách đóng gói: 366
	Pass.:	Khối lượng tối đa: 60 L	Quy cách đóng gói: 355
	Special Instructions:	A3, A58, A180	

14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC

Không có thông tin liên quan.

PHẦN 15. Thông tin quản lý**15.1. Các quy định/lệnh pháp cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất hoặc hỗn hợp**Điều luật Liên bang Hoa KỳTSCA:

Toàn bộ thành phần của sản phẩm đều được liệt kê trong Danh mục TSCA.

Mục 112(b), Đạo luật Không khí Sạch:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các chất thuộc Nhóm I Mục 602, Đạo luật Không khí Sạch:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các chất thuộc Nhóm II Mục 602, Đạo luật Không khí Sạch:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Đạo luật Không khí Sạch – Các chất gây ô nhiễm được Ưu tiên:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Đạo luật Không khí Sạch – Các chất gây ô nhiễm Độc hại:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các Hóa chất thuộc Danh sách I của DEA (Hóa chất Tiền chế):

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các Hóa chất thuộc Danh sách II của DEA (Hóa chất Thiết yếu):

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Danh sách của EPA về các Danh mục:

313 Category Code:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng Hoạch định Ngưỡng (TPQ) của EHS theo Mục 302, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng có thể báo cáo (RQ) của EHS theo Mục 304, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng có thể báo cáo theo CERCLA:

12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

Danh sách Chất thải Độc hại (TRI) theo Mục 313, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Bộ Quy định của RCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng ngưỡng (TQ) trong RMP theo Mục 112 (r), CAA

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các quy định của bangMassachusetts:

64-17-5 ETHANOL
12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

Minnesota:

64-17-5 ETHANOL
12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

New Jersey:

64-17-5 ETHANOL
12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

New York:

12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

Pennsylvania:

64-17-5 ETHANOL
12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

California:

64-17-5 ETHANOL
12125-02-9 AMMONIUM CHLORIDE

Kiến nghị 65:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào gây ung thư, nguy hại đến hệ sinh sản hoặc dị tật bẩm sinh được quy định bởi Bang California.

Các quy định quốc tế

Các hóa chất trong báo cáo xuất khẩu theo Quy định (EC) 649/2012:

Không có

Các hóa chất trong Công ước Rotterdam:

Không có

Các hóa chất trong Công ước Stockholm:

Không có

PHẦN 16. Thông tin khác

Văn bản các chỉ dẫn nguy hại (H) được đề cập trong phần 2-3 của tài liệu:

H226	Chất lỏng rất dễ cháy
H225	Chất lỏng rất dễ cháy
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

CHÚ THÍCH:

- 313 CATEGORY CODE: Mã hạng tại Mục 313, Đạo luật về Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch Khẩn cấp
- ADR: Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112 ® RMP TQ: Lượng Ngưỡng trong Kế hoạch Quản lý Rủi ro (Mục 112 ®, Đạo luật Không khí Sạch)
- CAS NUMBER: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ ảnh hưởng (yêu cầu nồng độ gây ảnh hưởng 50%)
- CERCLA RQ: Lượng có thể báo cáo (Đạo luật về Trách nhiệm Pháp lý, Bồi Thường và Phản ứng Toàn diện về Môi trường)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Cơ quan Phòng chống Ma túy Hoa Kỳ
- EmS: Trường hợp Khẩn cấp
- EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ
- EPCRA: Đạo luật về Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch Khẩn cấp
- EPCRA 302 EHS TPQ: Lượng Hoạch định Ngưỡng của Chất Cực Nguy hại (Mã hạng tại Mục 302)
- EPCRA 304 EHS RQ: Lượng có thể báo cáo của Chất Cực Nguy hại (Mã hạng tại Mục 304)
- EPCRA 313 TRI: Danh sách Chất thải Độc hại (Mã hạng tại Mục 313)
- GHS: Hệ thống Hải hoà Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hoá chất
- IATA DGR: Quy định Hàng hóa Nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
- IC50: Nồng độ Cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
- IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế
- LC50: Nồng độ Gây chết 50%
- LD50: Liều lượng Gây chết 50%
- OEL: Mức độ Phơi nhiễm Nghề nghiệp
- PEL: Mức độ Phơi nhiễm Dự đoán
- RCRA Code: Bộ Quy định của Đạo luật về Thu hồi và Bảo tồn Tài nguyên
- REL: Giới hạn Phơi nhiễm Đề xuất
- RID: Quy tắc quốc tế liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
- TLV: Giá trị Giới hạn Ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ phơi nhiễm nghề nghiệp không được vượt quá trong bất kỳ thời điểm nào.
- TSCA: Đạo luật Kiểm soát Chất độc
- TWA STEL: Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn
- TWA: Giới hạn phơi nhiễm trung bình theo thời gian
- VOC: Các Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống Thông tin Vật liệu Nguy hại Nơi làm việc.

MỤC LỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHUNG:

- GHS rev. 3 (phiên bản 3)
- The Merck Index. 10th Edition (Xuất bản lần thứ 10)

HI93703-50 – Dung dịch vệ sinh cuvette

- Handling Chemical Safety (An toàn khi Xử lý Hóa chất)
- Niosh – Registry of Toxic Effects of Chemical Substances (Danh sách các Ảnh hưởng độc hại của Hóa chất)
- INRS – Fiche Toxicologique (toxicological sheet) (Bảng thông tin về độc tính)
- Patty – Industrial Hygiene and Toxicology (Vệ sinh và Độc tính Công nghiệp)
- N.I. Sax – Dangerous properties of Industrial Materials-7, 1989 Edition (Xuất bản vào tháng 7/1989)
- ECHA website (Trang web của ECHA)

- 6 NYCRR part 597 (phần 597, tiêu đề 6, Bộ luật, Quy tắc và Quy định của New York)
- Cal/OSHA website (Trang web Cal/OSHA)
- California Safe Drinking Water and Toxic Enforcement Act (Đạo luật Thực thi Nước uống và Độc tố An toàn California)
- EPA website (Trang web của EPA)
- Hazard Communication Standard (Tiêu chuẩn Thông tin về Nguy hại) (HCS 2012)
- IARC website (Trang web của IARC)
- List of Lists EPA: Consolidated List of Chemicals Subject to EPCRA, CERCLA and Section 112® of the Clean Air Act (Danh mục các Danh sách Hóa chất của EPA: Danh sách Tổng hợp các Hóa chất theo EPCRA, CERCLA và Mục 112® của Đạo luật Không khí Sạch)
- Massachusetts 105 CMR Department of public health 670.000: “Right to Know” (Massachusetts 105 CMR Sở Y tế Cộng đồng 670.000: “Quyền được biết”)
- Minnesota Chapter 5206 Department of Labor and Industry Hazardous Substance, Employee “Right to Know” (Minnesota Chương 5206 Sở Lao động và Hóa chất Công nghiệp Nguy hại, Công nhân “Quyền được biết”)
- New Jersey Worker and Community Right to Know Act N.J.S.A (Đạo luật về Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng của New Jersey, N.J.S.A)
- NTP. 2011. Report on Carcinogens, 12th Edition (Chương trình Độc học Quốc gia Hoa Kỳ. 2011. Báo cáo về Các Tác nhân gây ung thư, Xuất bản lần thứ 12)
- OSHA website (Trang web của OSHA)
- Pennsylvania, Hazardous Substance List, Chapter 323 (Pennsylvania, Danh sách Chất nguy hại, Chương 323)

Lưu ý dành cho người dùng:

Các thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này đều được dựa trên kiến thức của chúng tôi tại ngày phát hành phiên bản cuối cùng. Người dùng phải xác định khả năng tương thích và cân nhắc triệt để các thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm riêng.

Tài liệu này không được xem là chứng từ bảo đảm đối với bất kỳ tài sản cụ thể nào.

Việc sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; do đó, người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ theo các điều luật và quy định về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất được miễn hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ phát sinh nào từ việc sử dụng sản phẩm không đúng cách.

Cung cấp đầy đủ các khóa đào tạo cho nhân viên được chỉ định về cách sử dụng các sản phẩm hóa học.

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN ĐỀ PHÂN LOẠI

Sản phẩm được đánh giá phân loại dựa theo Tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200), trừ các xác định khác trong phần 11 và 12. Dữ liệu để đánh giá các tính chất vật lý-hóa học được báo cáo trong phần 9.

Những thay đổi đối với phiên bản trước:

Dưới đây là các phần đã được sửa đổi:

03 / 08 / 15